

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-PT

Ngày: 03-7-2019

Về việc tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

Các Thẩm phán:

1/ Ông **Nguyễn Thành Đăng**

2/ Ông **Vương Minh Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Kim Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Huệ** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2017/TLPT-KDTM ngày 14/11/2017 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*”, do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/ST-KDTM ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm **số 15/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2019** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công Ty Trách nhiệm hữu hạn A

Địa chỉ: Số 101, Phan Đình Phùng, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A: Ông **Nguyễn Tấn L** - Nhân viên phụ trách pháp lý của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A; địa chỉ: Số 93, đường N, Phường Đ, Quận M, thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2016 - Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Ngô Văn T**; nơi cư trú: Ấp M, xã C, huyện M, tỉnh V; là Chủ Cơ sở mua bán thức ăn thủy sản - địa chỉ: Tổ B, ấp M, xã C, huyện M, tỉnh V (nay là Hộ kinh doanh H - địa chỉ: Tổ N, ấp M, xã C, huyện M, tỉnh V (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phan Thị T1**; nơi cư trú: Ấp M, xã C, huyện M, tỉnh V. (Vắng mặt).

2. Ông **Nguyễn Ngọc T2** (Có mặt)

3. Bà **Huỳnh Thị S** (Vắng mặt)

Ông T2 và bà S cùng cư trú: Ấp M, xã C, huyện M, tỉnh V.

4. Bà **Bùi Thị P1**; nơi cư trú: Ấp V, xã T, Huyện T, tỉnh V. (Có mặt)

5. Ông **Đặng Văn B** (chết ngày 11/02/2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Văn B:

+ Bà **Bùi Thị P1**

+ Bà **Đặng Ngọc D**

+ Ông **Đặng Công T3**

+ Ông **Đặng Hữu L**

Bà P1, bà D, ông T3 và ông L cùng cư trú: Ấp V, xã T, Huyện T, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của bà D, ông T3 và ông L: Bà Bùi Thị P1; nơi cư trú: Ấp V, xã T, Huyện T, tỉnh V. (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2019 - Có mặt).

6. Bà **Lê Thị Hồng T4**

7. Ông **Lê Tri A**

8. Ông **Lê Thanh C1**

Bà T4, ông A và ông C1 cùng cư trú: Số B, Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của bà T4, ông A và ông C1: Ông Võ Tuấn V; nơi cư trú: Số M, ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh V (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2017 - Có mặt)

9. Ông **Nguyễn Ngọc G** (Vắng mặt)

10. Bà **Lê Thị Ánh H1** (Vắng mặt)

Ông G và bà H1 cùng cư trú: Ấp K, xã L, thành phố T, tỉnh T.

11. Ông **Lê Minh H2** (Vắng mặt)

12. Bà **Nguyễn Thị T5** (Vắng mặt)

13. Ông **Lê Minh T6** (Vắng mặt)

Ông H2, bà T5 và ông T6 cùng cư trú: Ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của bà T5 và ông T6: Ông Lê Minh H2 – Nơi cư trú: Ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh T. (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2017). (vắng mặt)

14. Ông **Trương Quang H3** (Vắng mặt)

15. Bà **Nguyễn Thị Yến C2** (Vắng mặt)

Ông H3 và bà C2 cùng cư trú: Số H, đường L, Phường M, thành phố V, tỉnh V.

16. Bà **Trần Thị P2**; nơi cư trú: Ấp V, xã H, huyện T, tỉnh V. (Có mặt)

17. Ông **Huỳnh Văn K** (Vắng mặt)

18. Bà **Lê Thị Lệ H4** (Vắng mặt)

Ông K và bà H4 cùng cư trú: Ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh T.

19. Ông **Lê Văn C3**; nơi cư trú: Số A, Khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh V (Vắng mặt)

20. **Văn Phòng Công chứng T**; địa chỉ: số S, đường M, Phường B, thành phố V (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn **Công ty trách nhiệm hữu hạn A**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung vào các ngày 04/7/2016, ngày 15/7/2016, ngày 05/8/2016, ngày 03/02/2017, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (viết tắt là Công ty A) trình bày:

Ngày 22/9/2014, Công ty A ký hợp đồng số 92/HĐTS-ADC/HĐ với ông Ngô Văn T - Chủ cơ sở mua bán thức ăn thủy sản (tên mới là Hộ kinh doanh H) để bán sản phẩm thức ăn viên dành cho cá da trơn, nhãn hiệu PANGA FS 26-5 cho ông T. Về thanh toán, Công ty A cho ông T nợ 90 ngày kể từ ngày ra hóa đơn, với hạn mức tín dụng là 1.000.000.000đ; ông T phải chịu lãi suất là 1%/30 ngày nếu chậm thanh toán trong thời hạn 60 ngày đầu và phải chịu lãi suất 1,5%/30 ngày nếu chậm thanh toán trong thời hạn từ ngày thứ 61 trở đi; nếu quá hạn 90 ngày mà ông T chưa thanh toán thì Công ty A có quyền ngưng bán hàng.

Ngày 15/4/2015, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số PLHĐ: 05-HĐ số 92/HĐTS-ADC/HĐ; theo đó, Công ty A cho hạn mức nợ của ông T là 3.100.000.000đ; nếu ông T vượt hạn mức nợ, Công ty A sẽ ngưng cung cấp hàng.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ, ông Ngô Văn T và vợ là bà Phan Thị T1 có thể chấp các tài sản của bên thứ ba cho Công ty A theo các hợp đồng thế chấp như sau:

1. Hợp đồng thế chấp ký ngày 01/10/2014 tại Văn phòng công chứng T và được đăng ký thế chấp ngày 03/12/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Huỳnh Thị S đối với thửa đất số 552, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, diện tích 8572,6m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 409276, do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15/8/2014; thửa đất số 281, loại đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3923,7m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 409272, do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày

15/8/2014; thửa đất số 549, diện tích 2588,9m², loại đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 409273, do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15/8/2014. Các thửa đất tọa lạc tại ấp Mỹ Long, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Hợp đồng thế chấp ký ngày 01/10/2014 tại Văn phòng công chứng T và được đăng ký thế chấp ngày 03/12/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của ông Trương Quang H3 và bà Nguyễn Thị Yến C2 đối với thửa đất số 302, loại đất trồng cây ăn quả, diện tích 1840,0m², tọa lạc tại xã An Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 749237, do Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 23/9/1991 mang tên Nguyễn Văn T, được chỉnh lý trang bốn sang tên ông Trương Quang H3 ngày 09/5/2014.

3. Hợp đồng thế chấp ký ngày 13/4/2015 tại Văn phòng công chứng T và được đăng ký thế chấp ngày 14/4/2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của ông Đặng Văn B và bà Bùi Thị P1 đối với thửa đất số 21, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, diện tích 5228m², tọa lạc tại ấp Vĩnh Thạnh, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 439956, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 22/6/2012; thửa 256, loại đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 2093,9m², tọa lạc tại ấp Ông Lãnh, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 853863, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 22/6/2012.

4. Hợp đồng thế chấp ký ngày 13/4/2015 tại Văn phòng công chứng T và được đăng ký thế chấp ngày 14/4/2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của bà Trần Thị P2 đối với thửa đất số 24, diện tích 508,9m², loại ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Vĩnh Sơn, xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 649715, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 08/11/2013.

5. Hợp đồng thế chấp ký ngày 10/11/2014 tại Văn phòng công chứng T và được đăng ký thế chấp ngày 10/11/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của hộ bà Lê Thị Hồng T4, ông Lê Thanh C1 và ông Lê Tri A đối với thửa đất số 10, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 3323,1m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 413525, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 31/5/2007; thửa số 20, loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm, diện tích 2545,8m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 067090, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 05/9/2006. Các thửa đất tọa lạc tại Khu 8, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

6. Hợp đồng thế chấp ký ngày 03/11/2014 tại Văn phòng công chứng C và được đăng ký thế chấp ngày 03/11/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T, tỉnh T. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của ông Nguyễn Ngọc G và bà Lê Thị Ánh H1 đối với thửa đất số 565, loại đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 1243,7m², tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 434582, do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 30/7/2014.

7. Hợp đồng thế chấp ký ngày 03/11/2014 tại Văn phòng công chứng C và được đăng ký thế chấp ngày 03/11/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của ông Lê Minh H2 và bà Nguyễn Thị T5 đối với thửa đất 262, loại đất ở và đất quả, diện tích 5600m², tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 620730, do Ủy ban nhân dân thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 07/3/1997.

Do ông Ngô Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng nên Công ty A khởi kiện: Yêu cầu ông T và vợ là bà Phan Thị T trả cho Công ty A số tiền nợ gốc là 3.513.081.883đ và tiền lãi tính đến ngày 31/3/2016 là 327.701.858đ, đồng thời yêu cầu ông T và bà T trả lãi chậm thanh toán theo hợp đồng từ ngày 01/4/2016 đến ngày xét xử vụ án; yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Lê Minh H2 trình bày: Ông Lê Minh H2 và vợ là bà Nguyễn Thị T5 có ủy quyền cho ông Huỳnh Văn K và bà Lê Thị Lệ H4 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho Công ty A để lấy thức ăn nuôi cá; tuy nhiên, ông H2 không đồng ý cho Công ty A phát mãi quyền sử dụng đã thế chấp để thu hồi nợ vì ông H2 và bà T5 không nhận khoản tiền nào của Công ty A, ông K, bà H4, ông T và bà T.

Ông Nguyễn Ngọc T2 trình bày: Ông Nguyễn Ngọc T2 và vợ là bà Huỳnh Thị S có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho Công ty A để lấy thức ăn cho ông T nuôi cá, ông T sẽ đóng lãi cho ông T2 nhưng ông T không đóng lãi và cũng không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2. Ông T2 không đồng ý cho Công ty A phát mãi quyền sử dụng đất để thu hồi nợ của ông T vì ông T2 không nhận tiền từ Công ty A.

Ông Nguyễn Ngọc G trình bày: Ông Nguyễn Ngọc G và vợ là bà Lê Thị Ánh H1 có ủy quyền cho ông Huỳnh Văn K mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho Công ty A để lấy thức ăn cho ông T nuôi cá. Ông G không nhận của ông K, bà H4 khoản tiền nào nên không đồng ý cho Công ty A phát mãi quyền sử dụng đất thế chấp để thu hồi nợ của ông T.

Bà Trần Thị P2 trình bày: Bà P2 có ký giấy cho ông T mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chỉ nhờ ông T vay hộ 50.000.000đ. Bà P2 không đồng ý cho Công ty A phát mãi quyền sử dụng đất để thu hồi nợ của ông T.

Ông Đặng Văn B trình bày: Ông B có cho ông Th mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhờ ông T vay hộ 60.000.000đ. Do vậy, ông không đồng ý cho Công ty A phát mãi quyền sử dụng đất để thu hồi nợ của ông T.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Hồng T4, ông Lê Tri A, ông Lê Thanh C1 trình bày: Ngày 10/11/2014, bà T4, ông A, ông C1 trực tiếp ký hợp đồng đảm bảo tài sản cho Công ty A để nhờ ông T vay hộ 200.000.000đ. Hiện nay, bà T4 còn nợ ông T 200.000.000đ. Ngày 25/4/2017, bà T4, ông A và ông C1 thực hiện yêu cầu độc lập; theo đó, bà T4, ông A và ông C1 yêu cầu tuyên bố vô hiệu: Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho bên thứ ba được ký kết ngày 10/11/2014 tại Văn Phòng Công chứng T, giữa bà Lê Thị Hồng T4, ông Lê Tri A, ông Lê Thanh C1 với Công ty A. Lý do yêu cầu vô hiệu hợp đồng là do bên ông T lừa dối để ký hợp đồng thế chấp tài sản cho bên thứ ba. Mặt khác, bà T4, ông A và ông C1 chỉ ký hợp đồng thế chấp đảm bảo cho khoản vay chỉ có 600.000.000đ nhưng Công ty A yêu cầu phát mãi hết tài sản thế chấp là không phù hợp.

Ngày 12/9/2016, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đã ban hành Quyết định số 2490/QĐ-STNMT, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T4 đối với thửa đất số 20 và thửa số 11. Lý do: Bà T4 không giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 20 và thửa số 11, để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C3 theo biên bản trúng đấu giá vào ngày 30/01/2016.

[Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 03/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:](#)

Căn cứ vào điểm a điểm đ khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 27 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 433, Điều 440, khoản 7 Điều 323, khoản 2 Điều 307 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 khoản 6 Điều 27 và Điều 11 của của Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A:

1. Buộc ông Ngô Văn T và bà Phan Thị T1 trả nợ thức ăn thủy sản cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A 3.513.081.883đ tiền gốc (Ba tỷ năm trăm mười ba triệu tám trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày 31/3/2016 là 327.701.858đ (Ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một ngàn tám trăm năm mươi tám đồng).

2. Buộc ông Ngô Văn T và bà Phan Thị T1 chịu lãi cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A phát sinh theo hợp đồng số 92/HĐTS-ADC/HĐ, ngày 22/9/2014 và phụ lục hợp đồng số PLHĐ: 05-HĐ số 92/ HĐTS-ADC/HĐ ngày 15/4/2015, giữa Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A với Ngô Văn T. Thời hạn chịu lãi phát sinh tính từ ngày 01/4/2016 đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3. Hủy một phần hợp đồng thế chấp sản để đảm bảo cho bên thứ ba ký kết ngày 10/11/2014 giữa bà T4, ông C1, ông A với Công ty A đối với 52,4m² chiết thửa đất 20 và thửa đất số 11 của bà T4 mà ông Lê Văn C3 mua đấu giá ngày 30/01/2016 là phù hợp.

4. Bác yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Hồng T4, ông Lê Tri A và ông Lê Thanh C1 về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho bên thứ ba ký kết ngày 10/11/2014, giữa bà T4, ông A, ông C1 với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A.

5. Trường hợp ông Ngô Văn T và bà Phan Thị T1 không có khả năng trả nợ cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của của bên thứ ba để thu hồ nợ cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A. Tài sản thế chấp gồm:

5.1. Tài sản của ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Huỳnh Thị S: Cây trồng, nhà ở và tài sản khác gắn liền với các thửa đất: Thửa đất 552, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, diện tích 8.572,6m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành BR 409276, số vào sổ CH01507, do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít cấp ngày 15/8/2014; Thửa 281, loại đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3.923,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành BR 409272, số vào sổ CH10506, do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít cấp ngày 15/8/2014; Thửa 549, loại trồng vẩy lâu năm, diện tích 2.588,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành BR 409273, số vào sổ CH01499 do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít cấp ngày 15/8/2014. Các thửa đất tọa lạc tại ấp Mỹ Long, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Phát mãi tài sản của thế chấp của ông T2 và bà S chỉ để thi hành cho khoản nợ 600.000.000đ.

5.2. Tài sản của của ông Trương Quang H3 và bà Nguyễn Thị Yến C2: Cây trồng, nhà ở và tài sản khác gắn liền thửa đất 302, loại đất trồng cây ăn quả, diện tích 1.840,0m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành A 749237, số vào sổ 09899, do Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ cấp ngày 23/9/1991 mang tên Nguyễn Văn Tài. Ngày 29/5/2014, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít chỉnh lý mặt bốn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên Trương Quang H3. Thửa đất tọa lạc tại An Phước, Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Phát mãi tài sản thế chấp của ông H3 và bà C2 chỉ để thi hành cho khoản nợ 80.000.000đ.

5.3. Tài sản thế chấp của ông Đặng Văn B và bà Bùi Thị P1: Cây trồng, nhà ở và tài sản khác gắn liền thửa đất số 21, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, diện tích 5.228m², tọa lạc tại ấp Vĩnh Thạnh, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành BI 439956, số vào sổ CH02487, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 22/6/2012; Thửa 256, loại đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 2.093,9m², tọa lạc tại ấp Ông Lãnh, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành BL 853863, số vào sổ

CH03337, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 22/6/2012. Phát mãi tài sản thế chấp của ông B và bà P1g chỉ để thi hành khoản nợ 410.000.000đ.

5.4. Tài sản của bà Trần Thị P2: Cây trồng, nhà ở và tài sản khác gắn liền thửa đất số 24, tờ bản đồ số 6, diện tích 508,9m², loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Vĩnh Sơn, xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long Thửa đất 24 do Trần Thị P2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành BM 649715, số vào sổ CH 00788, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 08/11/2013. Phát mãi tài sản thế chấp của Trần Thị P2 chỉ để thi hành cho khoản nợ 180.000.000đ.

5.5. Tài sản thế chấp của bà Lê Thị Hồng T4: Cây trồng, nhà ở và tài sản khác gắn liền thửa đất số 10, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 3.2323,1m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành AI 413525, số vào sổ H 5245, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 31/5/2007; Thửa số 20, loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm, diện tích 2.545,8m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành AE 067090, số vào sổ H 4759, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 06/9/2006. Các thửa đất tọa lạc tại Khu 8, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Khi phát mãi tài sản của bà T4, đảm bảo không ảnh hưởng đến diện tích 52,4m² ông Lê Văn C3 đã mua đấu giá và đã được cưỡng chế thi hành án giao đất ngày 14/6/2016. Phát mãi tài sản của bà Thới chỉ đảm bảo cho thi hành án khoản nợ 600.000.000đ.

5.6. Tài sản thế chấp của ông Nguyễn Ngọc G và bà Lê Thị Ánh H1: Cây trồng và tài sản khác gắn liền thửa đất 565, loại đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 1.243,7m², tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành BV 434582, số vào sổ CH02311, do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp ngày 30/7/2014. Phát mãi tài sản của ông G và bà H1 chỉ để thi hành án cho khoản nợ 87.000.000đ.

5.7. Tài sản thế chấp của ông Lê Minh H2 và bà Nguyễn Thị T5: Cây trồng, nhà ở gắn liền và tài sản khác gắn liền thửa đất 262, loại đất ở và đất quả, diện tích 5.600m², tọa lạc tại ấp xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số H 620730, số vào sổ 07191, do Ủy ban nhân dân thị xã Trà Vinh cấp ngày 07/3/1997. Phát mãi tài sản thế chấp của ông H2 và bà T chỉ để thi hành khoản nợ 80.000.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 18/8/2017, nguyên đơn Công ty A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Kháng cáo mục 3 phần Quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét làm rõ quyết định số 2490/QĐ-STNMT ngày 12/9/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 067090 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 05/9/2006 và làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan;

- Kháng cáo mục 5 phần Quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu sửa bản án theo đúng tinh thần nêu tại Điều 1 của hợp đồng thế chấp mà các ông, bà Nguyễn Ngọc T2 và Huỳnh Thị S; Trương Quang H3 và Nguyễn Thị Yên C2; Đặng Văn B và Bùi Thị P1; Trần Thị P2; Lê Thị Hồng T4, Lê Tri A và Lê Thanh C1; Nguyễn Ngọc G và Lê Thị Ánh H1, Lê Minh H2 và Nguyễn Thị T5 đã ký với Công ty A. Lý do: Bản án sơ thẩm xác định nghĩa vụ bảo đảm của các ông bà này chỉ với số tiền 2.037.000.000đ là trái với thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn Công ty A xin rút lại một phần kháng cáo và xác định chỉ kháng cáo đối với mục 5 phần Quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, xử lý tài sản thế chấp theo đúng nội dung thỏa thuận tại Điều 1 của các hợp đồng thế chấp do các bên ký kết.

- Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Hồng T4, ông Lê Thanh C1 và ông Lê Tri A xác định bà T4, ông A và ông C1 thống nhất với bản án sơ thẩm.

- Bà Trần Thị P2, bà Bùi Thị P1 và ông Nguyễn Ngọc T2 xác định các ông bà không kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng cũng không đồng ý cho xử lý tài sản thế chấp. Bà P2 đồng ý trả cho Công ty A số tiền 180.000.000đ và bà P1 đồng ý trả cho Công ty A 410.000.000đ mà các bà đã nhận từ ông Ngô Văn T.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; riêng về thời hạn hoãn phiên tòa thì chưa đảm bảo do vụ án có tính chất phức tạp và Thẩm phán đã yêu cầu đương sự cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các đương sự như nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như bà T4, ông A và ông C1 chưa thực hiện đúng nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo yêu cầu làm rõ Quyết định số 2490/QĐ-STNMT ngày 12/9/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long; căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm: Nếu ông T, bà T1 không có khả năng trả nợ thì Công ty A có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của bên thứ ba để thu hồi nợ. Ngoài ra, do bản án sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ chậm thi hành

án của đương sự là không đúng nên cấp phúc thẩm cần sửa lại, bổ sung thêm nội dung: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T, bà T1 chậm thi hành án thì còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do sửa án sơ thẩm nên Công ty A không phải chịu án phí phúc thẩm. Miễn án phí sơ thẩm cho bà T4 do bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Ngô Văn T, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị T1, Huỳnh Thị S, Nguyễn Ngọc T2, Lê Thị Ánh H1, Lê Minh H2, Trương Quang H3, Huỳnh Thị Yến C2, Huỳnh Văn K, Lê Thị Lệ H4, những người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T5, ông Lê Minh T6 và Văn phòng công chứng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và người đại diện hợp pháp của các đương sự trên.

[2] Đối với kháng cáo của Công ty A về việc xử lý tài sản thế chấp theo đúng nội dung thỏa thuận nêu tại Điều 1 các hợp đồng thế chấp mà Công ty A đã ký với ông Ngô Văn T và bên thứ ba (hoặc người đại diện của bên thứ ba) là các ông, bà Nguyễn Ngọc T2 và Huỳnh Thị S, Trương Quang H3 và Nguyễn Thị Yến C2, Đặng Văn B và Bùi Thị P1, Trần Thị P2, Lê Thị Hồng T4, Lê Tri A và Lê Thanh C1, Nguyễn Ngọc G và Lê Thị Ánh H1, Lê Minh H2, Nguyễn Thị T5 và Lê Minh T6, xét thấy:

Ông Ngô Văn T có quan hệ mua bán thức ăn thủy sản nhãn hiệu PANGA với Công ty A theo hợp đồng mua bán số 92/HĐTS-ADC/HĐ ngày 22/9/2014 và Phụ lục hợp đồng số *PLHD: 05-HĐ số 92/HĐTS-ADC/HĐ* ngày 15/4/2015. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tiền mua hàng, ông T và bên thứ ba có ký kết các hợp đồng thế chấp với Công ty A như sau:

- Hợp đồng thế chấp số 50/2015/HĐTC-QSĐĐ.ADC ngày 13/4/2015 giữa bên thế chấp là bà Trần Thị P2 (ủy quyền cho ông Ngô Văn T), bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 13/4/2015 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long chứng nhận việc thế chấp ngày 14/4/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của bà Trần Thị P2 đối với thửa đất số 24, diện tích 508,9m², loại ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Vĩnh Sơn, xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 649715, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 08/11/2013.

- Hợp đồng thế chấp số 103-2014-HĐTC.ADC ngày 03/11/2014 giữa bên thế chấp là ông Lê Minh H2, bà Nguyễn Thị T5 và ông Lê Minh T6 (ủy quyền cho ông Huỳnh Văn K và bà Lê Thị Lệ H4), bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 03/11/2014 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố

Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh chứng nhận việc thế chấp ngày 03/11/2014. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của ông Lê Minh H2 và bà Nguyễn Thị T5 đối với thửa đất 262, loại đất ở và đất quả, diện tích 5600m², tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 620730, do Ủy ban nhân dân thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 07/3/1997.

- Hợp đồng thế chấp số 104-2014-HĐTC.ADC ngày 03/11/2014 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Ngọc G và bà Lê Thị Ánh H1 (ủy quyền cho ông Huỳnh Văn K và bà Lê Thị Lệ H4), bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 03/11/2014 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh chứng nhận việc thế chấp ngày 03/11/2014. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của ông Nguyễn Ngọc G và bà Lê Thị Ánh H1 đối với thửa đất số 565, loại đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 1243,7m², tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 434582, do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 30/7/2014.

- Hợp đồng thế chấp số 52/2015/HĐTC-QSĐĐ.ADC ngày 13/4/2015 giữa bên thế chấp là ông Đặng Văn B và bà Bùi Thị P1 (ủy quyền cho ông Ngô Văn T), bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 13/4/2015 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long chứng nhận việc thế chấp ngày 14/4/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của ông Đặng Văn B và bà Bùi Thị P1 đối với thửa đất số 21, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, diện tích 5228m², tọa lạc tại ấp Vĩnh Thạnh, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 439956, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 22/6/2012; thửa 256, loại đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 2093,9m², tọa lạc tại ấp Ông Lãnh, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 853863, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 22/6/2012.

- Hợp đồng thế chấp không số giữa bên thế chấp là ông Trương Quang H3 và bà Nguyễn Thị Yến C2, bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 01/10/2014 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long chứng nhận việc thế chấp ngày 03/12/2014. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của ông Trương Quang H3 và bà Nguyễn Thị Yến C2 đối với thửa đất số 302, loại đất trồng cây ăn quả, diện tích 1840,0m², tọa lạc tại xã An Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 749237, do Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 23/9/1991 mang tên Nguyễn Văn T, được chỉnh lý trang bốn sang tên ông Trương Quang H3 ngày 09/5/2014.

- Hợp đồng thế chấp không số được ký giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Huỳnh Thị S, bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 01/10/2014 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long chứng nhận việc thế chấp ngày 03/12/2014. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Huỳnh Thị S đối với thửa đất số 552, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, diện tích 8572,6m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 409276, do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15/8/2014; thửa đất số 281, loại đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3923,7m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 409272, do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15/8/2014; thửa đất số 549, diện tích 2588,9m², loại đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 409273, do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15/8/2014. Các thửa đất tọa lạc tại ấp Mỹ Long, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Hợp đồng thế chấp không số giữa bên thế chấp là bà Lê Thị Hồng T4, ông Lê Thanh C1 và ông Lê Tri A, bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 10/11/2014 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long chứng nhận việc thế chấp ngày 10/11/2014. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của hộ bà Lê Thị Hồng T4, ông Lê Thanh C1 và ông Lê Tri A đối với thửa đất số 10, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 3323,1m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 413525, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 31/5/2007; thửa số 20, loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm, diện tích 2545,8m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 067090, do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 05/9/2006. Các thửa đất tọa lạc tại Khu 8, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Do ông Ngô Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền mua hàng hóa nên Công ty A yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Theo Điều 1 của các hợp đồng thế chấp nêu trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp; thế chấp để đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán của bên được bảo đảm cho bên nhận thế chấp bao gồm nhưng không giới hạn ở nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn và phí phát sinh từ các hợp đồng hoặc liên quan đến các hợp đồng, giao dịch mua bán hàng hóa và các phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa bên được bảo đảm và bên nhận thế chấp (các hợp đồng giao dịch có thể phát sinh trước, trong và sau khi (hoặc sau khi) ký hợp đồng thế chấp. Như vậy, các đương sự đã có sự thỏa thuận rõ ràng về nghĩa vụ được bảo đảm là không giới hạn ở nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn và phí phát sinh nên việc bản án sơ thẩm tuyên xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba để thi hành một khoản nợ cụ thể là chưa đúng nội dung thỏa thuận tại Điều 1 của các hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Mặt khác, xét thấy, việc ký kết các hợp đồng thế chấp nêu trên (kể cả việc ủy quyền ký kết hợp

đồng thể chấp), các đương sự xác định là đã được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc ký. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai kháng cáo bản án. Do đó, kháng cáo của Công ty A về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đúng theo thỏa thuận tại Điều 1 của các hợp đồng thế chấp mà Công ty A đã ký với ông Ngô Văn T và bên thứ ba (hoặc người đại diện của bên thứ ba) và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung kháng cáo này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 342, 355, 715 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty A, sửa bản án sơ thẩm đối với phần xử lý tài sản thế chấp theo Điều 1 của các hợp đồng thế chấp nêu trên để thi hành các khoản nợ của ông T đối với Công ty A.

[3] Đối với kháng cáo của Công ty A về mục 3 của Phần Quyết định của bản án sơ thẩm, xem xét làm rõ Quyết định số 2490/QĐ-STNMT ngày 12/9/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Long và trách nhiệm của các bên liên quan, xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty A đã tự nguyện rút lại nội dung kháng cáo này nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 và khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo này của Công ty A. Tuy nhiên, xét thấy, mặc dù Công ty A đã rút lại nội dung kháng cáo này nhưng do nội dung kháng cáo này lại có liên quan một phần đến nội dung kháng cáo về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Công ty A và xét thấy tại mục 3 của phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với diện tích đất của hộ bà Thới bị cưỡng chế thi hành án là 52,4m², trong khi đó diện tích đất của hộ bà T4 bị cưỡng chế thi hành án nhưng thuộc tài sản thế chấp thửa 20 chỉ có 47,9m² (diện tích còn lại là của thửa 11, không thuộc tài sản thế chấp). Do vậy, Hội đồng xét xử xác định lại cho chính xác là: Khi xử lý tài sản thế chấp thửa đất số 20 của hộ bà T4 thì cần phải trừ lại diện tích 47,9m² thuộc thửa 20 và tài sản gắn liền đất đã được ông Lê Văn C3 mua đấu giá và đã được cưỡng chế giao đất ngày 14/6/2016.

[4] Ngoài ra, xét thấy, bản án sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án của đương sự là không đúng quy định của pháp luật như Kiểm sát viên đã nêu tại phiên tòa phúc thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử bổ sung thêm nội dung về nghĩa vụ chậm thi hành án của đương sự.

[5] Về án phí:

Do sửa án sơ thẩm nên Công ty A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000đ mà Công ty A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Do bà Lê Thị Hồng T4 là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí sơ thẩm cho bà T4. Hoàn trả lại cho bà T4 tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 2.000.000đ mà bà đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289 và khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A đối với mục 3 phần Quyết định của bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long và nội dung xem xét làm rõ Quyết định số 2490/QĐ-STNMT ngày 12/9/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Long và trách nhiệm của các bên liên quan.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH A. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long về phần xử lý tài sản thế chấp, nghĩa vụ chậm thi hành án và một phần án phí sơ thẩm.

Áp dụng các điều 342, 355, 715 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A:

- Buộc ông Ngô Văn T và bà Phan Thị T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A số tiền nợ gốc mua thức ăn thủy sản là 3.513.081.883đ (Ba tỷ năm trăm mười ba triệu không trăm tám mươi một nghìn tám trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày 31/3/2016 là 327.701.858đ (Ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn tám trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp ông Ngô Văn T và bà Phan Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba để thu hồi nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A. Tài sản thế chấp gồm:

+ Tài sản của ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Huỳnh Thị S theo Hợp đồng thế chấp không sổ giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Huỳnh Thị S,

bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, được công chứng ngày 01/10/2014 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long chứng nhận việc thế chấp ngày 03/12/2014.

+ Tài sản của của ông Trương Quang H3 và bà Nguyễn Thị Yên C2 theo Hợp đồng thế chấp không số giữa bên thế chấp là ông Trương Quang H3 và bà Nguyễn Thị Yên C2, bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 01/10/2014 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long chứng nhận việc thế chấp ngày 03/12/2014.

+ Tài sản thế chấp của ông Đặng Văn B và bà Bùi Thị P1 theo Hợp đồng thế chấp số 52/2015/HĐTC-QSĐĐ.ADC ngày 13/4/2015 giữa bên thế chấp là ông Đặng Văn B và bà Bùi Thị P1 (ủy quyền cho ông Ngô Văn T), bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 13/4/2015 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long chứng nhận việc thế chấp ngày 14/4/2015.

+ Tài sản của bà Trần Thị P2 theo Hợp đồng thế chấp số 50/2015/HĐTC-QSĐĐ.ADC ngày 13/4/2015 giữa bên thế chấp là bà Trần Thị P2 (ủy quyền cho ông Ngô Văn T), bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 13/4/2015 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long chứng nhận việc thế chấp ngày 14/4/2015.

+ Tài sản thế chấp của hộ bà Lê Thị Hồng T4 theo Hợp đồng thế chấp không số giữa bên thế chấp là bà Lê Thị Hồng T4, ông Lê Thanh C1 và ông Lê Tri A, bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 10/11/2014 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long chứng nhận việc thế chấp ngày 10/11/2014; nhưng trừ diện tích 47,9m² thuộc thửa 20 và tài sản gắn liền đất đã được bán đấu giá cho ông Lê Minh C3, đã được Cơ quan thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cưỡng chế thi hành án ngày 14/6/2016.

+ Tài sản thế chấp của ông Nguyễn Ngọc G và bà Lê Thị Ánh H1 theo Hợp đồng thế chấp số 104-2014-HĐTC.ADC ngày 03/11/2014 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Ngọc G và bà Lê Thị Ánh H1 (ủy quyền cho ông Huỳnh Văn K và bà Lê Thị Lệ H4), bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 03/11/2014 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh chứng nhận việc thế chấp ngày 03/11/2014.

+ Tài sản thế chấp của ông Lê Minh H2 và bà Nguyễn Thị T5 theo Hợp đồng thế chấp số 103-2014-HĐTC.ADC ngày 03/11/2014 giữa bên thế chấp là ông Lê Minh H2, bà Nguyễn Thị T5 và ông Lê Minh T6 (ủy quyền cho ông Huỳnh Văn K và bà Lê Thị Lệ H4), bên nhận thế chấp là Công ty Trách nhiệm

hữu hạn A và bên được bảo đảm là ông Ngô Văn T, đã được công chứng ngày 03/11/2014 và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh chứng nhận việc thế chấp ngày 03/11/2014.

2. Miễn án phí sơ thẩm cho bà Lê Thị Hồng T4. Hoàn trả lại cho bà T4 tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.000.000đ (Hai triệu đồng) mà bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0005577 ngày 25/4/2017 và theo biên lai thu số 0005559 ngày 13/4/2017.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006022 ngày 22/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- Đ/s;
- Lưu: Tòa Kinh tế; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà